

CÔNG TY CỔ PHẦN MLT HÀ NỘI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN MLT HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MLT HA NOI JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109616478

3. Ngày thành lập: 29/04/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Viên Nội, Xã Vân Nội, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0975467086

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
2.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
3.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
4.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
5.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
6.	Cho thuê xe có động cơ	7710
7.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
8.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
9.	Đúc sắt, thép	2431
10.	Đúc kim loại màu	2432
11.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
12.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
13.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
14.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
15.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển Chi tiết: - Bán buôn hóa chất khác (Trừ hoá chất Nhà nước cấm)	2651
16.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
17.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
18.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592(Chính)
19.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591

20.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
21.	Bán buôn đồ uống	4633
22.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
23.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
24.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
25.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
26.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
27.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào nhóm nào, sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác. - Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường. - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659
28.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
29.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
30.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
31.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
32.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
33.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
34.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
35.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ kinh doanh bất động sản)	5210
36.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
37.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
38.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
39.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
40.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
41.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
42.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
43.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
44.	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	2815
45.	Bán buôn thực phẩm	4632

46.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
47.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
48.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
49.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh chi tiết: - Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ mỹ phẩm có hại cho sức khỏe con người); - Bán lẻ dụng cụ, thiết bị y tế và chỉnh hình	4772
50.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
51.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
52.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng miếng)	4662
53.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
54.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
55.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (Trừ vàng nguyên liệu và vàng miếng)	2420
56.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
57.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
58.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (Không bao gồm kinh doanh quán bar);	4723
59.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
60.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
61.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
62.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ kinh doanh động vật hoang dã thuộc danh mục điều ước quốc tế mà Việt nam ký kết hoặc tham gia quy định và các loại động vật quý hiếm khác cần được bảo vệ);	4620
63.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
64.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
65.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý	4610
66.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ dược phẩm)	4649
67.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN ĐÌNH MÃ	Thôn Mỹ Nội, Xã Bắc Hồng, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	80.000	800.000.000	8,000	012738049	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	80.000	800.000.000	8,000		
2	NGÔ VĂN LƯƠNG	Thôn Viên Nội Dưới, Xã Vân Nội, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	190.000	1.900.000.000	19,000	001087020137	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	190.000	1.900.000.000	19,000		

3	NGÔ VĂN THIẾT	Thôn Viên Nội, Xã Vân Nội, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	730.000	7.300.000.000	73,000	001087034673
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	730.000	7.300.000.000	73,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGÔ VĂN THIẾT

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 08/03/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001087034673

Ngày cấp: 30/06/2020

Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Viên Nội, Xã Vân Nội, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Viên Nội, Xã Vân Nội, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội